

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TH&THCS HOÀNG TÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện cười	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện cười	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thể loại của văn bản. - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản. - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến. - Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm. 	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn</p>				1TL*

	một vấn đề của đời sống	<p>bản, về vấn đề nghị luận.</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...)</p> <p>Vận dụng: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.</p> <p>Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.</p>				
	Tổng		3TN	5TN	2 TL	1 TL
	Tỉ lệ %		20	40	30	10
	Tỉ lệ chung		60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Tam đại con gà

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dù đi là con dù đi”. Thầy cũng khôn, sợ nhớ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khẩn thăm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù đi” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.

Thấy vậy, thầy lấy làm đặc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

– Dù đi là con dù đi! Dù đi là con dù đi...

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giờ sách ra xem, hỏi thầy:

– Chết chưa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dù đi” là con “dù đi”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thăm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng

nhanh trí thầy vội nói gỡ:

– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.

Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:

– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?

– Thế này nhé! Dù đi là con dù đi, dù đi là chị con công, con công là ông con gà!

(SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vn teach.com>

Câu 1 (0.5 điểm). Truyện “Tam đại con gà” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2 (0.5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3 (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4 (0.5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

- A. Mua vui, giải trí.
- B. Phê phán sự coi thường của người cha đối với thầy đồ.
- C. Phê phán thói hư, tật xấu của thầy đồ xưa.
- D. **Phê phán thói dốt nát và sĩ diện hão của ông thầy đồ xưa.**

Câu 5 (0.5 điểm): Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “*thổ công*”?

- A. Vị thần trông coi về sự sống.
- B. Vị thần trông coi việc bếp núc trong gia đình.
- C. **Vị thần trông coi nhà cửa, đất cát gia đình.**
- D. Vị thần se duyên đôi lứa.

Câu 6 (0.5 điểm): Em có nhận xét gì về những điều ông thầy đã làm trong truyện “*Tam đại con gà*”?

- A. Đây là những hành động thể hiện sự khôn lỏi.
- B. Đây là những hành động phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ.
- C. Đây là những hành động thể hiện sự liêu lĩnh của thầy đồ.
- D. **Đây là những hành động trái với tự nhiên, không thể có trong công việc dạy học của một người thầy đích thực.**

Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết thầy đồ bảo học trò đọc khế câu “*Dù đi là con dù đi*” có ý nghĩa gì?

- A. Có ý che giấu, không để người khác học lỏm.
- B. Thể hiện sự ngại biện, chống chế cho sai lầm của mình.
- C. Thể hiện sự dốt nát, mê tín của thầy đồ.
- D. Đây là biểu hiện cho sự thận trọng muốn che giấu cái dốt của mình.

Câu 8 (0.5 điểm): Thầy đồ trong câu chuyện là người như thế nào?

- A. Là một học trò dốt nhưng hay nói chữ, mê tín dị đoan.
- B. Là một người học rộng, tài cao.
- C. Là người yêu quý trẻ con.
- D. Là người rất ham học hỏi.

Câu 9 (1 điểm): Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Câu 10 (1 điểm): Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	HS hiểu được tiếng cười trào phúng từ câu chuyện, qua đó rút ra bài học ý nghĩa nhất cho bản thân, đó có thể là phải luôn học hỏi, không nên che dấu cái dốt của mình, không nên sĩ diện hão,...	1,0
	10	Tác giả phê phán thói dốt nát và sĩ diện hão của những ông thầy đồ ngày xưa.	1,0
II. Viết		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..</i> Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i>	0,25
		c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:	
		- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi</i>	2,5

	<p><i>tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Nêu ra thực trạng việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông của người dân. - Nêu nguyên nhân của thực trạng trên. - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng để chỉ ra hậu quả hoặc những điều tích cực của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông... - Đưa ra biện pháp. <p>Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.</i></p>	0,5